

HỢP TÁC PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - EU: NHỮNG KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU

TS. Nguyễn Hồng Vân
Viện Sử học

I. KHÁI QUÁT VỀ ODA VÀ VIỆN TRỢ ODA TẠI VIỆT NAM

ODA (Official Development Assistance) có nghĩa là Hỗ trợ phát triển chính thức hay còn gọi là Viện trợ phát triển chính thức. Đó là sự chuyển giao một phần thu nhập quốc gia từ các nước phát triển sang các nước đang và chậm phát triển và tập trung cho việc khôi phục và thúc đẩy sự phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội của một quốc gia như xây dựng đường xá, giao thông công cộng, các công trình thủy lợi, bệnh viện, trường học, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường... ODA được thực hiện thông qua các hình thức: 1) Hỗ trợ cán cân thanh toán; 2) Hỗ trợ chương trình; 3) Hỗ trợ dự án.

Trước năm 1991, Việt Nam tiếp nhận ODA từ 3 nguồn cung cấp chủ yếu là: Liên Xô và một số nước XHCN khác; Một số nước thuộc Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD); Một số tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ. Tháng 11 năm 1993 tại Pari đã diễn ra Hội nghị

quốc tế các nhà tài trợ dành cho Việt Nam, đánh dấu sự hội nhập trở lại của Việt Nam với cộng đồng tài trợ quốc tế.

Để vận động ODA cho Việt Nam, một cơ chế thường niên là Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ dành cho Việt Nam - Hội nghị CG (Consultative Group Meeting) đã hình thành và hoạt động đều đặn. Từ năm 1993 đến năm 2004, thông qua 11 Hội nghị CG liên tiếp, các nhà tài trợ đã cam kết dành ODA cho Việt Nam với tổng trị giá 25,34 tỷ USD để hỗ trợ thực hiện các chương trình và dự án ưu tiên trong các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội. Nhiều dự án trong các lĩnh vực nói trên đã được đưa vào sử dụng hiện đang đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển của Việt Nam.

II. HỢP TÁC PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - EU VÀ CÁC NHÀ TÀI TRỢ CHÍNH

1. Hợp tác phát triển Việt Nam - EU

Trong 10 năm (1990-2000) EU đã dành cho Việt Nam khoản viện trợ hơn 2 tỷ USD, trong đó phần lớn là viện trợ không hoàn lại

(KHL) để thực hiện nhiều dự án quan trọng về y tế, công nghiệp, nông nghiệp, bảo vệ môi trường, cung cấp nước sạch, hỗ trợ cải cách hành chính, xóa đói giảm nghèo, văn hóa, giáo dục - đào tạo... Từ khi nối lại quan hệ hợp tác phát triển (HTPT) với Việt Nam (1995), mức ODA của EU dành cho Việt Nam đã tăng đáng kể. Trong giai đoạn 1996-2000, viện trợ không hoàn lại của EU dành cho Việt Nam đạt 50 triệu Euro/năm.

Theo Báo cáo hàng năm về các hoạt động HTPT của Liên minh Châu Âu ở Việt Nam năm 2002, viện trợ phát triển của EU dành cho Việt Nam năm 2001 đạt 299 triệu Euro, tăng 20% so với năm 2000, chiếm 20% tổng giá trị tài trợ của các nước cho Việt Nam.

Tổng số tài trợ của EU giúp Việt Nam trong giai đoạn 2002-2006 vào khoảng 200 triệu Euro, trong đó 162 triệu Euro dành cho Chương trình Chiến lược quốc gia song phương và khoảng 40 triệu cho các chương trình tín dụng theo chủ đề và theo vùng. Hai bên đã thống nhất các lĩnh vực ưu tiên trong giai đoạn 2005-2006 sẽ là tín dụng xóa đói giảm nghèo và hỗ trợ ngân sách cho ngành giáo dục. Việt Nam và EU đều cho rằng, việc triển khai thực hiện các chương trình HTPT là có hiệu quả, tuy vậy do còn những vướng mắc về thủ tục và bệnh quan liêu, nên kết quả cũng có những hạn chế và chưa đáp ứng sự mong đợi của cả hai bên.

II. Các nhà tài trợ chính: Các nhà tài trợ chính cho Việt Nam là Pháp, Anh, Thụy Điển và Đan Mạch.

Cộng hoà Pháp bắt đầu cung cấp ODA cho Việt Nam từ năm 1989. Từ năm 1999, Pháp xếp Việt Nam vào các nước thuộc khu vực ưu tiên. Cho đến năm 1997, Kho bạc Pháp là một trong các nguồn cung cấp chủ yếu viện trợ KHL cho Việt Nam. Nhiều dự án trong các lĩnh vực này như trang bị cho các bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội), Yên Bái, Lào Cai, Nghệ An, hoặc các khoá đào tạo tại Pháp cho Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã được triển khai và phát huy hiệu quả. Hiệp hội Phát triển trao đổi kỹ thuật, Kinh tế và Tài chính (ADETEF) - tổ chức "bán chính phủ" có quan hệ chặt chẽ với Bộ Kinh tế và Tài chính Pháp cũng là một tổ chức cung cấp viện trợ KHL cho các dự án hỗ trợ kỹ thuật để tăng cường năng lực một số cơ quan Chính phủ Việt Nam. Từ năm 1997, Pháp và Việt Nam đã thoả thuận áp dụng một phương thức viện trợ vốn vay mới, theo đó số viện trợ được cam kết và ký kết hàng năm sẽ phụ thuộc vào mức độ và chất lượng chuẩn bị dự án thay vì cách thức cam kết cả gói như trước kia. Từ đó mỗi năm Việt Nam và Pháp ký kết được khoảng 20 triệu Euro cho 2 đến 3 dự án.

Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) bắt đầu hoạt động tại Việt Nam từ năm 1994. AFD đã tài trợ và tham gia đồng tài trợ cho 11 dự án trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn với tổng số vốn là 250 triệu Euro. Nhiều dự án do AFD tài trợ được đánh giá là đã thu được các thành quả quan trọng trong việc tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo và chuyển giao công nghệ. Tiêu biểu là các dự án hỗ trợ sản xuất sữa đậu nành,

mía đường ở tỉnh Tây Ninh, trồng và phát triển bông, cà phê, chè và điện khí hoá nông thôn tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đào tạo nghề cho 4 trường dạy nghề trọng điểm, phát triển cao su Tây Nguyên. Từ năm 1999, AFD đã mở rộng hoạt động sang lĩnh vực phát triển đô thị, đào tạo nghề và cung cấp nước sạch nhưng vẫn tiếp tục duy trì trọng tâm hỗ trợ là lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Từ năm 1989 đến nay, Chính phủ Pháp đã tài trợ cho gần 200 dự án trong các lĩnh vực ưu tiên như cấp nước sinh hoạt, năng lượng điện, viễn thông, giao thông vận tải và một số lĩnh vực khác với số vốn tài trợ đạt khoảng 400 triệu Euro. Các dự án được thực hiện tại 25 tỉnh và thành phố, trong đó có nhiều tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tại phiên họp CG tháng 12-2004, Chính phủ Pháp đã tăng viện trợ gấp 3 lần năm trước, đạt 400 triệu USD, trở thành nước thứ ba có mức viện trợ cao cho Việt Nam. Nhìn chung, viện trợ ODA và các dự án của Chính phủ Pháp đều đem lại hiệu quả kinh tế-xã hội thiết thực, đáp ứng các nhu cầu cấp bách của Việt Nam.

Kể từ khi Việt Nam và *CHLB Đức* nối lại quan hệ HTPT (năm 1990), đến năm 2002, Chính phủ Đức đã cam kết cung cấp ODA cho Việt Nam khoảng 402,73 triệu Euro, trong đó 130,26 triệu Euro là hợp tác kỹ thuật và 272,47 triệu Euro là hợp tác tài chính.

Trong hợp tác kỹ thuật một loạt các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên đã và đang góp phần thiết thực giúp các cơ quan Việt Nam nâng cao năng lực hoạt động của mình, đẩy nhanh quá trình cải cách phù hợp với tiến

trình chung về đổi mới đất nước, ví dụ Dự án Hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam, Hỗ trợ cải cách hành chính, Hỗ trợ cải cách hệ thống hành chính lâm nghiệp, Hỗ trợ kiểm toán, Tư vấn phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hỗ trợ đào tạo nghề, Kế hoạch hoá gia đình và Dự án Phòng chống HIV/AIDS...

Trong hợp tác tài chính, thời gian qua chủ yếu mới thực hiện một số dự án giải ngân nhanh như: viện trợ hàng hoá, tín dụng nông thôn, tín dụng cho người hồi hương và một số dự án đầu tư như: Bệnh viện Việt-Đức (5,0 triệu DM), lưới điện Drây-ling (13 triệu DM), cấp nước Việt Trì (21,0 triệu DM), trồng rừng I tại các tỉnh Bắc Giang, Lạng Sơn (10 triệu DM), trong đó các dự án trồng rừng I và II được thực hiện thành công đã trở thành mô hình tốt cho các dự án hợp tác trong tương lai giữa hai nước.

Trong cuộc họp thường niên năm 2003 về HTPT, phía Đức đã chọn Việt Nam là nước tiến hành thử nghiệm cho chương trình hành động AP2015 (chương trình trợ giúp cho các nước nhằm mục tiêu giảm một nửa số người nghèo trên toàn thế giới vào năm 2015). Mặc dù ngân sách khó khăn, Chính phủ Đức vẫn tăng nhẹ cam kết vốn cho các dự án hợp tác với Việt Nam trong năm 2003 với số vốn cam kết là 42,2 triệu Euro (năm 2002 là 40 triệu Euro), trong đó có 15 triệu Euro về hợp tác kỹ thuật; 25,5 triệu Euro về hợp tác tài chính và 1,715 triệu Euro cho chương trình AP2015.

Một trong những trọng tâm của cuộc đàm phán năm 2004 là chương trình hỗ trợ

tín dụng trị giá 120 triệu Euro, trong đó có 20 triệu Euro của Đức giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ để phát triển kinh tế tư nhân. Ngoài ra hai bên còn bàn về vấn đề bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học ở Việt Nam, cùng nhất trí dành một khoản tín dụng cho chương trình bảo tồn vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng (Quảng Bình), nơi có rất nhiều loại động, thực vật quý hiếm, xây dựng một dự án tư vấn nhằm tạo điều kiện sinh sống cho cư dân vùng này.

Viện trợ của Đức trong thời gian qua được coi là hiệu quả và có tác động tích cực đối với quá trình cải cách kinh tế và phát triển xã hội của Việt Nam. Để nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ phát triển, phía Việt Nam mong muốn phía Đức sớm thay đổi cách thức thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật, minh bạch hoá ngân sách trong quá trình thực hiện dự án, tạo điều kiện cho phía Việt Nam thực hiện tốt hơn quyền làm chủ, đóng góp cho việc thực hiện thành công các mục tiêu chung về HTPT của hai phía.

Chính phủ Anh chính thức cung cấp ODA cho Việt Nam từ năm 1994. Trong 10 năm qua, Anh đã viện trợ KHL cho Việt Nam khoảng 180 triệu USD, trong đó 165 triệu USD tập trung vào các lĩnh vực xoá đói giảm nghèo, cải cách hành chính, giáo dục và HIV/AIDS. Thông qua Hội đồng Anh, Chính phủ Anh cũng đã có đóng góp tích cực trong công tác đào tạo tiếng Anh cho đội ngũ công chức và cung cấp các học bổng ngắn hạn tại Anh cho các viên chức Chính phủ của Việt Nam. Trên cơ sở *Kế hoạch quốc gia hỗ trợ*

cho Việt Nam giai đoạn 2004-2006, Chính phủ Anh sẽ tăng viện trợ KHL cho Việt Nam từ 35 triệu USD năm 2003 lên 100 triệu USD năm 2005. Số tiền này là để hỗ trợ Việt Nam thực hiện chiến lược tăng trưởng toàn diện và xoá đói giảm nghèo. Như vậy Anh trở thành quốc gia viện trợ KHL lớn nhất cho Việt Nam.

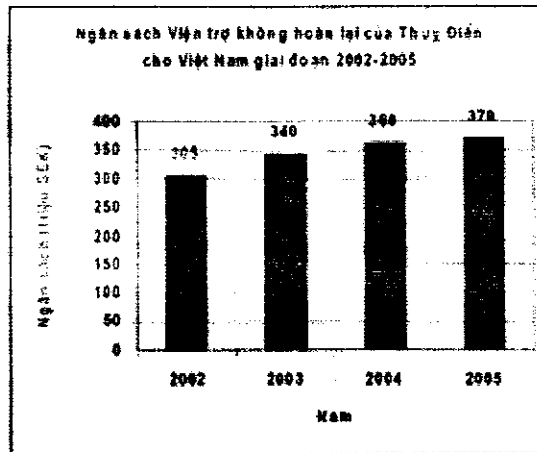
Nhìn chung, quan hệ hợp tác hai nước đang phát triển tích cực. Chính phủ Anh đã có những viện trợ đáng kể cho Việt Nam và tập trung vào các chương trình xoá đói giảm nghèo, một trong những lĩnh vực ưu tiên nhất của Việt Nam. Nhưng tài trợ của Anh không thực hiện riêng biệt, mà lồng ghép, đồng tài trợ cùng với các nhà tài trợ quốc tế khác, cho nên giữa Việt Nam và Anh không ký Hiệp định song phương nào về ODA, và cũng do vậy không có thủ tục cũng như quy trình riêng trong HTPT giữa Việt Nam và Anh. Cũng vì thế mà ở hầu hết các dự án này, vai trò làm chủ của phía Việt Nam chưa được đặt đúng mức cần thiết.

Kể từ khi Việt Nam và *Thụy Điển* thiết lập quan hệ ngoại giao (tháng 1-1969) đến nay, Thụy Điển đã liên tục cung cấp viện trợ cho Việt Nam, ngay cả trong thời kỳ Hoa Kỳ thực hiện cấm vận. Cơ quan HTPT quốc tế Thụy Điển (SIDA) là tổ chức quản lý và điều hành các chương trình viện trợ, đồng thời tư vấn về các chính sách HTPT. Tính đến năm 2002, Thụy Điển đã viện trợ cho Việt Nam khoảng gần 1,5 tỉ USD (trong đó có khoảng 70 triệu USD tín dụng ưu đãi). Mức giải ngân hàng năm đạt từ 25 đến 30

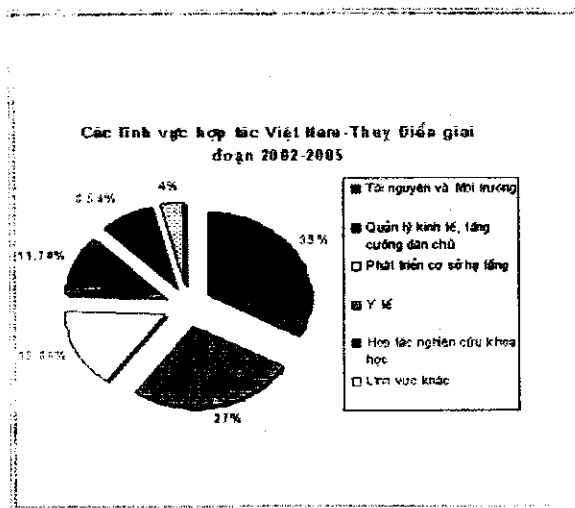
triệu USD (chưa kể các khoản tín dụng ưu đãi). Trong giai đoạn 2002-2005 ngân sách viện trợ không hoàn lại của SIDA dự

kiến dành cho Việt Nam theo (sơ đồ a). Hai bên dự kiến sẽ hợp tác trong các lĩnh vực ưu tiên theo cơ cấu (sơ đồ b)

Sơ đồ a



Sơ đồ b



Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam - Thụy Điển (MRDP) nhằm hỗ trợ phát triển nông thôn tại 5 tỉnh miền núi phía Bắc (Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang và Phú Thọ) đã tiếp nhận 158 triệu SEK viện trợ không hoàn lại từ SIDA và đã hoàn thành vào năm 2001. Từ tháng 11-2003, SIDA đã phối hợp với Việt Nam triển khai một chương trình khác về xóa đói giảm

nghèo giai đoạn 2003 - 2008 tại 3 tỉnh Quảng Trị, Hà Giang, Yên Bái và các bộ, ngành liên quan với tổng viện trợ là 310 triệu SEK.

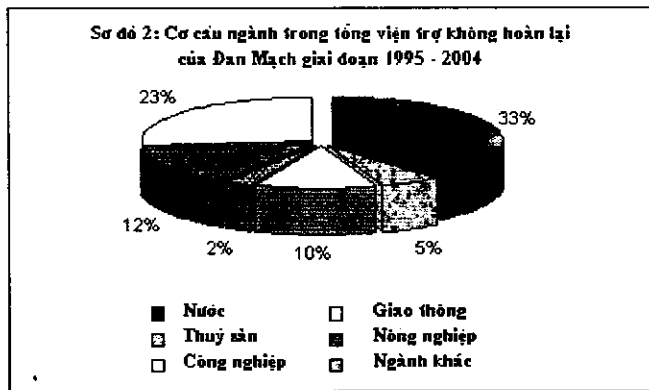
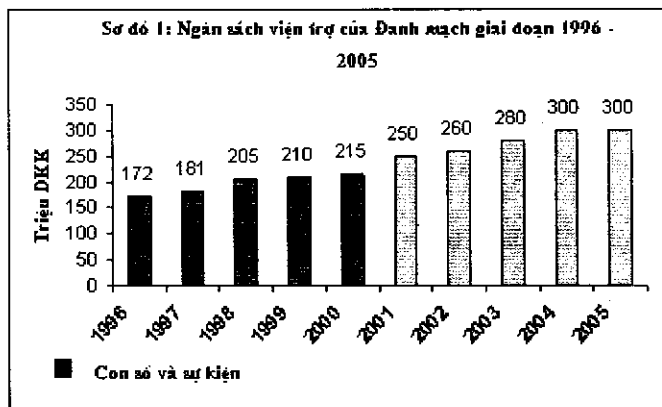
Tháng 2-2004, đại diện hai Chính phủ đã ký kết hiệp định về HTPT giai đoạn 2004-2006 và Hợp tác Nghiên cứu giai đoạn 2004-2007. Thụy Điển đã cam kết viện trợ KHL cho Việt Nam 900 triệu Euro (khoảng 120 triệu USD) với mục tiêu tổng quát là nhằm

hỗ trợ tăng cường năng lực cho Việt Nam trong công cuộc xoá đói giảm nghèo một cách lâu dài, bền vững về tài nguyên và môi trường...

Trong hơn 30 năm duy trì quan hệ HTPT, nhiều dự án của Thụy Điển đã được triển khai và đóng góp có hiệu quả cho công cuộc tái thiết và phát triển của Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn Hoa Kỳ thực hiện cấm vận. Có thể kể tới các công trình điển hình như nhà máy giấy Bãi Bằng, Viện Nhi Thụy Điển, Bệnh viện Đa khoa Ưông Bí và các dự án khôi phục và phát triển ngành điện, lâm nghiệp và phát triển nông thôn miền núi, các

dự án hỗ trợ trong lĩnh vực y tế, thuế và cải cách kinh tế. Nhìn chung các dự án sử dụng ODA Thụy Điển đều được triển khai tốt, có hiệu quả, tỉ lệ giải ngân cao (năm 2001 đạt 92%), phù hợp với ưu tiên và đáp ứng ngày càng có hiệu quả cho việc giải quyết các nhu cầu của Việt Nam.

Quan hệ HTPT giữa **Đan Mạch** với Việt Nam đã chính thức được nối lại từ năm 1992, sau 13 năm gián đoạn. Từ đó đến nay, mức cam kết viện trợ của Đan Mạch không ngừng tăng lên theo từng năm (sơ đồ 1): Cơ cấu ngành trong tổng viện trợ không hoàn lại của Đan Mạch được thực hiện như sau (sơ đồ 2):



Quan hệ HTPT giữa hai nước đã trải qua hai giai đoạn căn bản: 1993-1997 và 1999-

2003 với mức viện trợ tương ứng là 675 triệu DKK (khoảng 100 triệu USD) và 1.356 triệu

DKK (khoảng 200 triệu USD). Trong giai đoạn đầu tiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau chỉ có hai dự án được thực hiện là: dự án nhà máy chế biến cà phê Biên Hoà và dự án nhà máy chế biến thủy sản Camimex với tổng trị giá vốn vay khoảng 5 triệu USD. Từ kinh nghiệm này, quá trình thực hiện hiệp định khung lần thứ hai có nhiều điều chỉnh cho phù hợp hơn với thực tế.

Tháng 11-2001, Việt Nam và Đan Mạch đã ký 4 dự án: Phát triển công nghiệp và đô thị thành phố Việt Trì trị giá 18,5 triệu Curon; Liên kết giữa đại học Cần Thơ và đại học Arhus của Đan Mạch về môi trường trị giá 13,8 triệu Curon; Đa dạng sinh học ở Bắc Trường Sơn và dự án Bảo vệ rừng và Quản lý rừng ở Nghệ An trị giá 17,5 triệu Curon.

Tại cuộc họp tư vấn thường niên về HTPT tháng 5-2003, Đan Mạch cam kết tăng khoản viện trợ KHL cho Việt Nam trong năm 2003 lên 290 triệu Curon (khoảng 46,4 triệu USD), tăng 60 triệu Curon (khoảng 9,6 triệu USD) so với năm 2002, tập trung đầu tư vào các dự án thuộc 3 chương trình ngành: quản lý nguồn nước, thủy sản và nông nghiệp. Nhìn chung các khoản viện trợ của Đan Mạch được dành cho các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội đã góp phần cải thiện và nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của cộng đồng, đặc biệt tại các vùng miền núi, dân tộc ít người của Việt Nam.

III. NHỮNG TỒN ĐONG TRONG VIỆC GIẢI NGÂN VÀ PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI QUYẾT

Trong Hội nghị CG lần thứ 12 (tháng 12-2004) các nhà tài trợ đã cam kết hỗ trợ 3,4 tỷ USD trong năm 2005, vượt hơn 600 triệu USD so với năm trước, đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Tuy nhiên, so với mức huy động vốn ODA thì việc giải ngân nguồn vốn này lại thực hiện không tương xứng. Số vốn ODA đã giải ngân tới cuối năm 2004 là hơn 14 tỷ USD, đạt khoảng 53% tổng số vốn cam kết. Tình hình giải ngân chậm trễ làm nhiều dự án công trình muộn đưa vào sử dụng, gây lãng phí, kém hiệu quả, làm giảm tính ưu đãi của vốn vay cũng như giảm uy tín của Việt Nam đối với các nhà tài trợ trong việc vận động và thực hiện nguồn vốn này.

1. Nguyên nhân giải ngân chậm

Việc giải ngân vốn ODA chậm một phần do những *nguyên nhân khách quan* từ một số nhà tài trợ:

- Thủ tục của các nhà tài trợ còn rườm rà, việc phê duyệt phải qua nhiều bước.

- Đối với một số dự án đồng tài trợ, do phải áp dụng đồng thời nhiều thủ tục khác nhau của các nhà tài trợ, chủ dự án gặp khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Trong nhiều trường hợp, do không đủ năng lực cần thiết, các nhà tài trợ đã kéo dài

quá trình phê duyệt tài liệu đấu thầu, ảnh hưởng đến giải ngân dự án.

- Một số nhà tư vấn quốc tế thiếu kinh nghiệm về các điều kiện của Việt Nam nên chất lượng thiết kế đã không đảm bảo, dẫn đến hậu quả phải kéo dài thời gian để chỉnh sửa, làm chậm giải ngân.

Tuy nhiên, sự chậm chễ trong giải ngân chủ yếu là do các **nguyên nhân chủ quan** từ nhiều khâu của phía Việt Nam:

- Hầu hết các dự án đầu tư bằng vốn ODA đều gặp khó khăn về giải phóng mặt bằng, di dân.

- Công tác đấu thầu các dự án ODA cũng tiến hành khá chậm trễ làm ảnh hưởng đến tốc độ giải ngân.

- Các thủ tục phê duyệt thiết kế, tổng dự toán, kết quả đấu thầu... thường chậm trễ, thiếu chính xác.

- Năng lực quản lý và giám sát thực hiện dự án của các ban quản lý dự án còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp.

- Chậm trễ trong các thủ tục phê duyệt làm chậm tốc độ thực hiện dự án, tăng chi phí đầu tư.

- Cuối cùng là những hạn chế về mặt nhận thức của phía Việt Nam qua 10 năm tiếp nhận ODA. Theo nhận thức của một số người, ODA là khoản tiền cho không của

nước ngoài, hoặc có vay thì cũng phải tới đời con cháu mới phải trả nên cứ chi tiêu thoải mái, do đó ít hoặc không cần tính tới hiệu quả sử dụng, đến khả năng trả nợ; Cùng với sự thiếu chặt chẽ, còn sơ hở trong công tác quản lý tài chính dẫn đến tình trạng lãng phí, tham nhũng, gây hậu quả xấu cho việc tiếp nhận vốn ODA. Mặt khác, kinh nghiệm, trình độ của một số cán bộ quản lý còn nhiều hạn chế, yếu kém nên còn có những dự án được xây dựng quá sơ sài, thiếu cụ thể trong việc tính toán chặt chẽ các hiệu quả kinh tế, chưa xác định rõ mục tiêu đầu tư, hạng mục đầu tư và tính hoàn chỉnh giữa các khâu dẫn đến việc nhập khẩu thiết bị không đồng bộ, nguyên liệu không đủ, công suất thiết kế đạt thấp, gây lãng phí và khó khăn cho khả năng trả nợ.

2. Các biện pháp đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn ODA.

Những tồn tại trên phải được giải quyết bằng một hệ thống giải pháp đồng bộ:

- Phải thay đổi nhận thức của đội ngũ cán bộ phụ trách những công việc liên quan đến ODA, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo địa phương, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn, khả năng hiểu biết về pháp luật, ngoại ngữ... để họ có đủ năng lực thực hiện một cách tốt nhất chức trách, phận sự được giao;

- Phân cấp quản lý các dự án ODA, kiện toàn và tăng cường năng lực các ban quản lý dự án, tăng cường năng lực quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động ODA ở mỗi cấp, mỗi ngành;

- Giải quyết tốt vấn đề giải phóng đất đai cấp mặt bằng cho dự án;

- Chuẩn bị đủ vốn đối ứng, phân vay ưu đãi phải được hạch toán bù bội chi để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ nước ngoài và ổn định chi tiêu ngân sách Nhà nước.

- Đơn giản hóa các quy trình thủ tục về quản lý ODA song song với quá trình cải cách thủ tục hành chính, cải cách về chính sách, cơ cấu kinh tế, hoàn thiện hành lang pháp lý thông thoáng, hài hòa với thông lệ quốc tế và các quy định về ODA.

- Thực hiện hài hoà các quy trình, thủ tục ở các phương diện quan hệ: giữa Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ; quan hệ giữa các cơ quan Việt Nam về các hoạt động trên cơ sở các quy định của pháp luật và quan hệ giữa các nhà tài trợ với nhau.

Trong 10 năm qua nguồn vốn ODA các quốc gia thuộc EU đã góp phần quan trọng làm thay đổi diện mạo kết cấu hạ tầng vốn nhỏ bé và lạc hậu của Việt Nam, đặc biệt đã phát huy tác dụng tích cực trong xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông

thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn cả nước, phát triển nguồn nhân lực, y tế, giáo dục, giao thông, điện lực... ODA còn hỗ trợ cho việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, tăng cường năng lực và thể chế cho các cơ quan Nhà nước, đồng thời tạo nguồn chi ngân sách Nhà nước để cho các doanh nghiệp vay. Sự gia tăng số lượng các nhà tài trợ, chương trình và dự án sử dụng vốn ODA cho Việt Nam đã góp phần tích cực vào việc thực thi thành công đường lối mở cửa kinh tế theo hướng “đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại” của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời gian qua và thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế của Việt Nam với khu vực và thế giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản tin ODA (2000-2004)
<http://www.mpi.gov.vn/websiteoda/tiengviet/BantinfoDA/>
2. Tài liệu tham khảo đặc biệt của TTXVN (2000-2004).
3. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu (2002-2003).
4. Thời báo Kinh tế Việt Nam (2000-2004).
5. Thời báo Tài chính (2003 - 2004).